

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 14 – 12 – 2020  
V/v không công nhận là vợ chồng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mạc Thị Chiên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thanh Xuân
2. Ông Trần Văn Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 352/2020/TL.ST-HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2020/QĐXX-ST ngày 30 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự.

**1. Nguyên đơn:** Ông Thái Văn H

Địa chỉ: Ấp Long H A1, xã LT, huyện PH, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

**2. Bị đơn:** Bà Trần Kim D

Địa chỉ: Ấp TT, thị trấn RG, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

**NỘI D VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Thái Văn H trình bày:

Ông và bà Trần Kim D tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1988, có tổ chức đám cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu ông bà chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng đến năm 1989 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông và bà D bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, tính tình không hợp. Từ đó, cả hai không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống không còn hạnh phúc. Ông và bà D đã cố gắng giải quyết nhưng vẫn không được nên đã ly thân từ năm 1989 cho đến nay. Do vậy, ông khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Thái Thị Hạnh Thơ (nữ), sinh ngày

10/01/1989. Hiện cháu Thơ đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Trần Kim D trình: Bà thống nhất với phần trình bày của ông H về thời gian chung sống, việc không đăng ký kết hôn và về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Bà và ông H cũng đã ly thân nhau cách đây khoảng 30 năm. Nay ông H yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Thái Thị Hạnh Thơ (nữ), sinh ngày 10/01/1989. Hiện cháu Thơ đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, ông H và bà D vắng mặt, có đơn xin yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, H giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội D giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Thái Văn H và bà Trần Kim D là vợ chồng; Về con chung: Không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Thái Văn H và bà Trần Kim D tự nguyện chung sống như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà D. Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án hôn nhân và gia đình về việc không công nhận là vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt ông H, bà D nhưng ông H, bà D đã có yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông H, bà D.

[3] Về nội D giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa ông H và bà D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống ông H và bà D phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được nên đã không còn chung sống với nhau hơn 30 năm. Đến thời điểm Tòa án thụ lý giải

quyết các đương sự vẫn không đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Nay ông H yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận ông Thái Văn H và bà Trần Kim D là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Ông Thái Văn H và bà Trần Kim D có 01 con chung tên Thái Thị Hạnh T (nữ), sinh ngày 10/01/1989. Do chị Thơ đã trưởng thành nên ông H và bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông Thái Văn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Thái Văn H và bà Trần Kim D là vợ chồng.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Thái Văn H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai số 0005725 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (ông H đã nộp xong).

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mạc Thị Chiên**